AUDITING COMPANY

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ASC

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH

Địa chỉ: Số 33 - Ngõ 24 - Đặng Tiến Đông - Đống Đa - Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 35378938 / 68 * Fax: (84-4) 35378988
Website: http://www.kiemtoanasc.com.vn / kiemtoanasc.vn
Email: kiemtoanasc.info@gmail.com

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Của: CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM HCD

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 5
Báo cáo Kiểm toán độc lập	6 – 7
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng Cân đối kế toán	8 – 11
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	12
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	13
Thuyết minh Báo cáo tài chính.	14 – 35

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Của: CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM HCD

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Luyện Kim HCD (sau đây gọi tắt là " Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Công ty

Công ty Cổ phần Luyện Kim HCD, tên giao dịch bằng tiếng anh: HCD Metallurgy Joint Stock Company. Là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với mã số doanh nghiệp là 0800940115 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 12 năm 2011, thay đổi lần thứ 2 ngày 25 tháng 10 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

Ngành nghề kinh doanh: Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 ngày 25 tháng 10 năm 2013, lĩnh vực hoạt động kinh doanh và các nhiệm vụ của Công ty là:

- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
- Đúc sắt, thép;
- Đúc kim loại màu;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng uranium và quặng thorium;
- Khai thác loại kim loại khác không chứa sắt;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục);
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Sản xuất giày dép;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại;
- Sản xuất máy luyện kim;
- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;

- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu

  Chi tiết:

  Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);

  Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh;

  Bán buôn cao su;

  Bán buôn tơ, sơ, sợi dệt;

  Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép;

  Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;
- Sản xuất hóa chất cơ bản (trừ thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp);
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh
- Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su;
- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Ghi chú: Đối với những ngành nghề kinh doanh có mục "Chi tiết'', doanh nghiệp chỉ được kinh doanh trong phạm vi ngành nghề chi tiết đã ghi; Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện sau khi đăng ký, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đầy đủ các điều kiện theo các quy định của Pháp luật hiện hành.

Trụ sở chính của Công ty: Số nhà 122B, phố Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Văn phòng đại diện: F6-F7 khu đô thị mới Ngô Thì Nhậm, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty : Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh là 45.000.000.000 VND. Vốn góp ghi nhận trên Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là **45.000.000.000 VND**.

(Bằng chữ: Bốn mươi lăm tỷ đồng chẵn)./.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là: 248.526.965 VND
(Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là: 16.890.790 VND)

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014 là: 256.512.689 VND
(Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 là: 7.985.724 VND).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Đức Dũng	Chủ tịch HĐQT
Bà Lê Thị Huyền	Ủy viên HĐQT
Bà Lê Thị Hiền	Ủy viên HĐQT

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Đức Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Trọng Huân	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Cổ phần Luyện Kim HCD đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán ASC. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014. Trong quá trình lập các Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2015
T/M Ban Tổng Giám Đốc
Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 0800940115 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM HCD
TP. HẢI DƯƠNG. T. HẢI DƯƠNG

Nguyễn Đức Dũng

Số : 309../BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo Tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014
của Công ty Cổ phần Luyện Kim HCD

Kính gửi: **Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ Phần Luyện Kim HCD.

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Luyện Kim HCD được lập ngày 30 tháng 03 năm 2015 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 được trình bày từ trang 08 đến trang 35 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đã trung thực, hợp lý nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014. Trong quá trình lập các Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2015
T/M Ban Tổng Giám Đốc
Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 0800940115 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM HCD TP. HẢI DƯƠNG. T. HẢI DƯƠNG

Nguyễn Đức Dũng

toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được đầy đủ và thích hợp là cơ sở cho ý kiến kiểm toán viên của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của ***Công ty Cổ phần Luyện Kim HCD*** tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà nội, ngày 26 tháng 8 năm 2015

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ASC
Phó Tổng Giám đốc

S.Đ.K.K.D:0102902085-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN ASC
Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Chi Thành
Số Giấy CN ĐKHN
Kiểm toán : 0647-2014-133-1

Kiểm toán viên

Hoàng Thị Khánh Vân
Số Giấy CN ĐKHN
Kiểm toán : 0371-2014-133-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**166.216.995.505**	**93.810.563.980**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.01**	**32.647.563.745**	**8.090.762.935**
1. Tiền	111		3.736.749.545	2.342.651.695
2. Các khoản tương đương tiền	112		28.910.814.200	5.748.111.240
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	**V.02**	-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu	**130**	**V.03**	**31.042.856.450**	**22.676.751.398**
1. Phải thu của khách hàng	131	**V.03.1**	30.627.397.850	21.546.603.398
2. Trả trước cho người bán	132	**V.03.2**	415.458.600	1.130.148.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	**V.03.3**	-	-
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**		**84.239.203.481**	**36.846.240.328**
1. Hàng tồn kho	141	**V.04**	84.239.203.481	36.846.240.328
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**18.287.371.829**	**26.196.809.319**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	14.199.677
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.138.751.829	2.568.130.171
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	**V.05.1**	-	825.591
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	**V.05.2**	12.148.620.000	23.613.653.880
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**3.636.021.035**	**4.198.251.136**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh của các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	**220**		**3.483.383.221**	**3.940.912.639**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	**V.08**	3.483.383.221	3.940.912.639
- Nguyên giá	*222*		*4.278.293.181*	*4.242.781.818*
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	*223*		*(794.909.960)*	*(301.869.179)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	*225*		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	*226*		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	*228*		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	*229*		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	**240**		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**152.637.814**	**257.338.497**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	**V.14**	152.637.814	257.338.497
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**169.853.016.540**	**98.008.815.116**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**124.596.503.851**	**53.000.829.392**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**124.596.503.851**	**53.000.829.392**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	**V.15**	72.689.844.203	19.863.169.440
2. Phải trả người bán	312	**V.16.1**	51.789.961.992	32.995.811.219
3. Người mua trả tiền trước	313	**V.16.2**	800.000	100.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	**V.16.3**	115.897.656	-
5. Phải trả công nhân viên	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316	**V.17**	-	41.848.733
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo kế hoạch tiến độ HĐXD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		-	-
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		-	-
II. Nợ dài hạn	**330**		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**45.256.512.689**	**45.007.985.724**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.22**	**45.256.512.689**	**45.007.985.724**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		45.000.000.000	45.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		256.512.689	7.985.724
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	**430**		-	-
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		-	-
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**169.853.016.540**	**98.008.815.116**

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
USD		394,97	403,06
EUR			
6. Dự toán chi hoạt động			

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ( )

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Vũ Việt Anh	Lê Thị Thu Thủy	Nguyễn Đức Dũng

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**00**	**VI.25.1**	**318.123.711.131**	**224.971.693.917**
2. Các khoản giảm trừ	02	**VI.25.2**	-	-
- Chiết khấu bán hàng	*02a*		-	-
- Giảm giá hàng bán	*02b*		-	-
- Hàng bán bị trả lại	*02c*		-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu và thuế GTGT theo phương pháp trực	*02d*		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**	**VI.25.3**	**318.123.711.131**	**224.971.693.917**
4. Giá vốn hàng bán	**11**	**VI.27**	**311.546.193.654**	**220.436.749.570**
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**6.577.517.477**	**4.534.944.347**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	**VI.26**	**1.768.909.453**	**68.254.508**
7. Chi phí tài chính	22	**VI.28**	**3.650.258.840**	**1.893.976.392**
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.508.996.427	1.273.992.316
8. Chi phí bán hàng	24		**584.914.952**	**362.085.240**
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	**25**		**3.572.292.802**	**2.319.714.404**
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**538.960.336**	**27.422.819**
11. Thu nhập khác	31		**600.001**	**39.200**
12. Chi phí khác	32		**172.330.125**	**4.940.965**
13. Lợi nhuận khác	**40**		**(171.730.124)**	**(4.901.765)**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**367.230.212**	**22.521.054**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	**51**	**VI.30**	**118.703.247**	**5.630.264**
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	**52**		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	**60**		**248.526.965**	**16.890.790**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu			**55,23**	**3,75**

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Vũ Việt Anh	Lê Thị Thu Thủy	Nguyễn Đức Dũng

M.S.D.N: 0800940115 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM HCD
TP. HẢI DƯƠNG - T. HẢI DƯƠNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp gián tiếp
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			**(28.755.365.420)**	**(2.600.477.418)**
1. Lợi nhuận trước thuế			*367.230.212*	*22.521.054*
2. Điều chỉnh cho các khoản	**01**		*2.135.751.952*	*1.493.979.544*
+ Khấu hao tài sản cố định	02		493.040.781	182.362.489
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		282.334.744	37.624.739
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.148.620.000)	
+ Chi phí lãi vay	06		2.508.996.427	1.273.992.316
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		*2.502.982.164*	*1.516.500.598*
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(471.692.830)	12.881.529.867
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(47.392.963.153)	(36.169.194.873)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		19.006.579.319	20.656.524.505
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		118.900.360	(200.890.052)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(2.550.845.160)	(1.232.143.583)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.980.000)	(2.500.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		33.653.880	
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16			(50.303.880)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			**485.405.541**	**(3.255.068.923)**
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		196.875.643.178	76.783.312.594
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(144.048.968.415)	(63.673.923.154)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**		**24.556.714.884**	**7.253.843.099**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**8.090.762.935**	**836.896.405**
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		**85.926**	**23.431**
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**		**32.647.563.745**	**8.090.762.935**

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Vũ Việt Anh	Lê Thị Thu Thủy	Nguyễn Đức Dũng

M.S.D.N: 0800940115 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM HCD TP. HẢI DƯƠNG T. HẢI DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/ 12/ 2014

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng báo cáo tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Luyện Kim HCD, tên giao dịch bằng tiếng anh: HCD Metallurgy Joint Stock Company. Là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với mã số doanh nghiệp là 0800940115 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 12 năm 2011, thay đổi lần thứ 2 ngày 25 tháng 10 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

Ngành nghề kinh doanh: Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 ngày 25/10/2013, lĩnh vực hoạt động kinh doanh và các nhiệm vụ của Công ty là:

- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
- Đúc sắt, thép;
- Đúc kim loại màu;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng uranium và quặng thorium;
- Khai thác loại kim loại khác không chứa sắt;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục);
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Sản xuất giày dép;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại;
- Sản xuất máy luyện kim;
- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;

- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phần vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu

Chi tiết:

Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);

Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh;

Bán buôn cao su;

Bán buôn tơ, sơ, sợi dệt;

Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép;

Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;

- Sản xuất hóa chất cơ bản (trừ thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp);
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh
- Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su;
- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Ghi chú: Đối với những ngành nghề kinh doanh có mục "Chi tiết'', doanh nghiệp chỉ được kinh doanh trong phạm vi ngành nghề chi tiết đã ghi; Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện sau khi đăng ký, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đầy đủ các điều kiện theo các quy định của Pháp luật hiện hành.

Trụ sở chính của Công ty: Số nhà 122B, phố Quang Trung, thành phố Hải Dương, Việt Nam.

Văn phòng đại diện: F6-F7 khu đô thị mới Ngô Thì Nhậm, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty : Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh là 45.000.000.000 VND. Vốn góp ghi nhận trên Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là **45.000.000.000 VND**.

(Bằng chữ: Bốn mươi lăm tỷ đồng chẵn)./.

II. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

4. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính: Nhật ký chung.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

5.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Theo Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật. Tại thời 31/12/2014 các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào tài khoản doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

5.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

6.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

6.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

6.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

6.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

7.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

7.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm ;

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm ;

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm ;

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: *Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.*

8. Nguyên tắc xác định khoản phải thu, phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng:

8.1. Nguyên tắc xác định khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng: Khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng là giá trị khoản phải thu đã phát hành hoá đơn tại thời điểm báo cáo, theo hợp đồng xây dựng đã ký qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch.

8.2. Nguyên tắc xác định khoản phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng: Khoản phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng là giá trị khoản phải trả đã nhận được hoá đơn tại thời điểm báo cáo của nhà thầu, khi hợp đồng xây dựng đã ký qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch.

9. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc thiết bị	03 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	05 – 07 năm

10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

10.1. Nguyên tắc ghi nhận

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần luỹ kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên liên doanh theo hợp đồng liên doanh.

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

10.2. Lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính

- Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

Dự phòng đầu tư cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính} = \left| \text{Vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế} - \text{Vốn chủ sở hữu thực có} \right| \times \frac{\text{Vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế}}$$

- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán:

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được tính cho mỗi loại chứng khoán và tính theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán} = \text{Số lượng chứng khoán bị giảm giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng} \times \left| \text{Giá chứng khoán hạch toán trên sổ kế toán} - \text{Giá chứng khoán thực tế trên thị trường} \right|$$

- Đối với chứng khoán đã niêm yết:

+ Giá chứng khoán thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.

+ Giá chứng khoán thực tế trên các sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết:

+ Giá chứng khoán thực tế đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

+ Giá chứng khoán thực tế chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán thì không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

- Đối với những chứng khoán niêm yết bị huỷ giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

12. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng biếu sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được biếu, tặng này và các khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc ghi nhận và trình bày cổ phiếu mua lại: Cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại là cổ phiếu quĩ của Công ty. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận cổ tức: Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng:
Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành .

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1 . TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt tại quỹ	**342.248.193**	**836.677.142**
Tiền gửi ngân hàng	**3.394.501.352**	**1.505.974.553**
- Ngân hàng BIDV - CN Hải Dương	*37.882.319*	*969.486.230*
- Ngân hàng BIDV - CN Thăng Long	*7.805.283*	*7.625.288*
- Ngân hàng BIDV - CN Hà Tây	*146.197.805*	*1.037.011*
- Ngân hàng VCB - CN Thăng Long	*109.861.098*	*517.285.529*
- Ngân hàng BIDV - CN Thành Đô	*1.854.638*	*1.840.682*
- Ngân hàng Techcombank - CN Láng Hạ	*3.069.706.678*	*4.243.860*
- Ngân hàng Vietinbank - CN Hà Tây	*16.663.688*	*2.449.812*
- Ngân hàng Sacombank - CN Đống Đa	*1.238.341*	*2.006.141*
- Ngân hàng VP - CN Thăng Long	*3.291.502*	
Các khoản tương đương tiền	**28.910.814.200**	**5.748.111.240**
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn (từ 1 - 3 tháng):	28.910.814.200	5.748.111.240
- Ngân hàng BIDV - CN Hải Dương		*1.039.000.000*
- Ngân hàng Techcombank - CN Láng Hạ	*11.250.000.000*	
- Ngân hàng VCB - CN Thăng Long (*)	*12.501.814.200*	*4.709.111.240*
- Ngân hàng VP - CN Thăng Long	*5.159.000.000*	
Cộng	**32.647.563.745**	**8.090.762.935**

(*): Trong đó có 239.431,5 USD tương đương 5.099.890.950 VND đang được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay theo HĐTD số 257/14/TL/NHNT-TL ngày 20/08/2014 và HĐTD số 279/14/TL/NHNT-TL ngày 19/09/2014 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thăng Long.

3.1 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Công ty Cổ phần Tân Hưng	2.978.250.000	4.558.800.000
- Công ty CP SX và XNK Bao bì Thăng Long		8.366.225.000
- Công ty CP Xây dựng số 11		315.548.398
- Công ty CP Vật liệu cách nhiệt Việt Nhật		1.209.500.000
- Công ty TNHH Tấn Tài		828.630.000
- Công ty CP Bao Bì Đông Phú		1.261.400.000
- Công ty TNHH TM và SX Hải Thiên		841.500.000
- CN Công ty CP SX và XNK Bao bì Thăng Long tại Bắc Ninh		884.000.000
- Công ty CP SX và TM Bao bì - nhựa Tân Lập	1.540.000.000	
- Công ty TNHH Đầu tư ứng dụng SX bao bì Việt	1.905.750.000	
- Công ty TNHH TM và DV Hiếu Linh	3.816.165.000	
- Công ty CP Đầu tư XNK Thuật Phát	10.791.625.000	
- Công ty TNHH MTV Bao bì Gia Huy	1.925.000.000	
- Các đối tượng công nợ khác	7.670.607.850	3.281.000.000
Cộng	**30.627.397.850**	**21.546.603.398**

3.2 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Công ty TNHH Nhựa công nghiệp Mai Huy	316.278.000	1.130.148.000
- Các đối tượng khác	99.180.600	
Cộng	**415.458.600**	**1.130.148.000**

4 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Hàng hóa (*)	84.239.203.481	36.846.240.328
Cộng	**84.239.203.481**	**36.846.240.328**
* Giá trị thuần có thể thực hiện được của HTK	84.239.203.481	36.846.240.328

(*): Hàng hóa tồn kho tại ngày 31/12/2014:

Đơn vị tính: VND

Tên hàng hóa	Đơn vị	Số lượng	Thành tiền
Hạt nhựa nguyên sinh sinh HDPE 00952	Kg	23.000	775.275.768
Hạt nhựa nguyên sinh sinh HDPE 7000F	Kg	37.000	1.276.500.000
Hạt nhựa nguyên sinh sinh HDPE 9001	Kg	18.500	632.363.636
Hạt nhựa nguyên sinh sinh HDPE F0455	Kg	74.250	2.429.373.870
Hạt nhựa nguyên sinh sinh HDPE F1	Kg	395.625	13.451.724.002
Hạt nhựa nguyên sinh sinh HD52518	Kg	400	14.109.091
Hạt nhựa nguyên sinh sinh HDPE	Kg	3.300	97.110.021
Hạt nhựa nguyên sinh sinh HDPE ME9180	Kg	525	17.897.727
Hạt nhựa nguyên sinh sinh	Kg	77.500	2.664.363.836
Hạt nhựa nguyên sinh sinh LDPE 1925AS	Kg	150.500	5.010.133.327
Hạt nhựa nguyên sinh sinh LDPE 2426H	Kg	143.200	4.701.255.043
Hạt nhựa nguyên sinh sinh LDPE 2426K	Kg	7.000	246.883.116
Hạt nhựa nguyên sinh sinh LDPE 2427H	Kg	50.000	1.750.000.000
Hạt nhựa nguyên sinh sinh LDPE 260GG	Kg	4.000	141.818.182
Hạt nhựa nguyên sinh sinh LDPE HP4024W	Kg	278.100	9.510.265.918
Hạt nhựa nguyên sinh sinh LDPE 4025	Kg	180.100	6.196.683.876
Hạt nhựa nguyên sinh sinh LDPE C150Y	Kg	40.450	1.392.229.134
Hạt nhựa nguyên sinh sinh LDPE HP 2023J	Kg	64.650	2.197.686.240
Hạt nhựa nguyên sinh sinh LLDPE 218W	Kg	6.550	222.242.162
Hạt nhựa nguyên sinh sinh LLDPE 21HN	Kg	289.725	9.815.011.486
Hạt nhựa nguyên sinh sinh LLDPE 21HS	Kg	213.550	7.281.797.271
Hạt nhựa nguyên sinh sinh LLDPE 3224	Kg	29.500	1.008.840.721
Hạt nhựa nguyên sinh sinh LLDPE CD18N	Kg	24.750	849.229.178
Hạt nhựa nguyên sinh sinh LLDPE LL1002KW	Kg	40.500	1.393.950.060
Hạt nhựa nguyên sinh sinh LLDPE	Kg	29.000	930.525.770
Hạt nhựa nguyên sinh sinh PP 1128N			